



## ÂM HƯỞNG CỔ ĐIỂN TRONG THƠ HUỲNH VĂN NGHỆ

Lê Sỹ Đồng\*

Khoa Ngữ văn - Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận bài: 13-7-2017; ngày nhận bài sửa: 18-7-2017; ngày duyệt đăng: 30-11-2017

### TÓM TẮT

Bài viết tìm hiểu âm hưởng cổ điển trong thơ Huỳnh Văn Nghệ. Dựa vào hai phương pháp chính là loại hình và so sánh, chúng tôi khảo sát ba khía cạnh: chất cao nhã, chất sử thi và cách dùng từ ngữ; từ đó cho thấy bên cạnh tính cách mạng, tính hiện đại thì tính cổ điển cũng góp phần không nhỏ vào phong cách thơ Huỳnh Văn Nghệ.

**Từ khóa:** Huỳnh Văn Nghệ, thơ ca cách mạng, cổ điển.

### ABSTRACT

#### *The classical sonority in Huynh Van Nghe's poetry*

The study investigates the classical sonority in Huynh Van Nghe's poetry. Based on two main methods which are form and comparison, three aspects were examined: intellectuality, epic and word choice; in light of which, it can be affirmed that beside the revolutionary characteristic and modernism, the classical feature also contributed to the poetry style of Huynh Van Nghe.

**Keywords:** Huynh Van Nghe, revolutionary poetry, classical.

### 1. Đặt vấn đề

Cho đến nay, giá trị những thi phẩm của thi tướng Huỳnh Văn Nghệ đã được các nhà nghiên cứu, phê bình đánh giá rất cao. Tuy nhiên, hầu hết những nghiên cứu ấy tập trung vào chất “kháng chiến” trong nội dung. Đơn cử là các bài viết: *Huỳnh Văn Nghệ - thi tướng của dân gian* (Huỳnh Văn Tới); *Những mùa xuân của thi tướng chiến khu xanh* (Bùi Quang Huy); *Huỳnh Văn Nghệ: một chiến sĩ – nhà thơ “thi tướng”* (Nguyễn Huy Hùng); *Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ và bài thơ “Nhớ Bắc”* (Hoài Nguyễn)... Do vậy, việc đọc lại, đánh giá thêm những khía cạnh khác về di sản văn chương của Huỳnh Văn Nghệ là rất cần thiết. Bài viết này góp phần tìm hiểu về âm hưởng cổ điển trong thơ Huỳnh Văn Nghệ với ba khía cạnh: chất cao nhã, chất sử thi, cách dùng từ ngữ mang sắc thái cổ điển.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Chất cao nhã

Như chúng ta biết, “cao nhã” là một trong những đặc trưng quan trọng của văn học trung đại. Nó không chỉ được thể hiện qua chủ đề, đề tài của tác phẩm mà còn được thể hiện rõ ở mục đích sử dụng thủ pháp nghệ thuật cũng như cách thức xây dựng hình tượng nhân vật trữ tình. Vậy thế nào là “cao nhã”? Cao nhã là chất cao quý và thanh nhã của văn

\* Email: lesydong09081981@gmail.com

chương. Tính chất này được hình thành từ quan niệm về nguồn gốc của văn chương. Trong *Văn tâm điều long*, Lưu Hiệp viết: “Con người có hoạt động tinh thần (*tâm*) thì lời nói xuất hiện; lời nói xuất hiện thì cái văn sáng lên. Đó là cái đạo tự nhiên vậy. Bên cạnh [con người], bất kì cái gì trong động vật [cũng như] trong thực vật cũng đều có *văn cả*” (Lưu Hiệp, 2007, tr.16). Như vậy, văn chương có nguồn gốc tự nhiên. Và, văn chương chính là vẻ đẹp của tự nhiên. Còn trong *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*, Lê Trí Viễn viết: “Văn vốn là vẻ đẹp của con người, văn hay chữ tốt con người càng đẹp hơn” (Lê Trí Viễn, 2001, tr.145). Chính vì nguồn gốc ấy mà văn chương có đặc trưng cao nhã. Mà nói đến cao nhã “là muốn nói đến cái cao quý, thanh nhã của quan niệm về văn chương, ở nguồn gốc, ở nội dung, ở chức năng xã hội của văn chương, ở người sáng tác, ở hạn hẹp của sự phổ biến, ở trong điều kiện lịch sử cụ thể của thời trung đại” (Lê Trí Viễn, 2001, tr.137). Điều này nghĩa là tính cao nhã “hạn hẹp” trong quan niệm văn chương của các tác giả trong thời trung đại. Tuy nhiên, văn chương vốn mang trong mình bản chất tốt đẹp, và người làm văn chương luôn hướng đến cái tốt đẹp nên tính “cao nhã” khi hết “vai trò lịch sử của nó” thì vẫn tác động đến những nhà văn thời kì sau đó. Ở bài viết này, chúng tôi không có ý đi chứng minh điều này bằng hàng loạt các dẫn chứng từ các tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ thời cận đại, hiện đại, bởi nó là một lẽ đương nhiên trong tiến trình phát triển văn học. Đến với thơ Huỳnh Văn Nghệ - thơ của một vị thi tướng, tưởng như chỉ có thể xét ở tính cách mạng, tính hiện đại mang âm hưởng của thời đại thì chúng tôi lại bất gặp ở đó không ít những bài thơ chất chứa thanh âm cao nhã mà cụ thể là ở hình ảnh chinh nhân.

Trong văn học trung đại, có lẽ chúng ta không ít lần bắt gặp hình ảnh những chàng trai giã nhà xa quê hương đi tìm lí tưởng, trả nợ tang bồng, đơn cử là hình ảnh người chinh phu trong *Chinh phụ ngâm*:

*Chí làm trai dặm nghìn da ngựa*  
*Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.*  
*Giã nhà đeo bức chiến bào*  
*Thét roi cầu Vị ào ào gió thu.*

Người làm trai ấy nghe theo tiếng gọi non sông mà coi nhẹ chuyện sinh li tử biệt, xông ra chiến trường như hình ảnh những thần nhân mang trong mình sứ mệnh giải cứu nhân gian. Tương tự như vậy, Huỳnh Văn Nghệ cũng đã xây dựng được trong thơ mình hình ảnh nhân vật trữ tình tràn đầy dũng khí và trách nhiệm. Ở đây, chàng thanh niên đang trong lúc bỡ ngỡ trước cuộc đời đã ý thức được vai trò lịch sử của bản thân trong tình cảnh nước non ngàn dặm đang in dấu chân thù. Trong bài *Nhớ Bắc*, người chiến sĩ ấy để cho dòng máu Lạc Hồng sục sôi trong huyết quản, dạt dào trong mỗi dòng thơ. Ở bài thơ này, ngay khổ thơ đầu tiên, tác giả đã để cho chinh nhân thể hiện trực tiếp tấm lòng của mình với mảnh đất ngàn năm văn vật:

*Từ độ mang gươm đi mở cõi*  
*Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.*

Hình ảnh người tráng sĩ “mang gươm đi mở cõi” đã mở ra một không gian lịch sử hào hùng nhưng sâu lắng. Nó đọng lại trong hai chữ “nhớ thương”. Để rồi sau đó, người tráng sĩ nhận ra tinh thần chống giặc cứu nước không chỉ là nhiệm vụ mang tính thời đại mà nó đã là truyền thống từ “ngàn thu”:

*Sứ mạng ngàn thu để dám quên  
Chinh Nam say bước quá xa miền,  
Còn trong bài Trăng lên:  
Chờ tiếng xô xao trong ngày đã tắt  
Ta trôi lên khúc “hận ngàn thu”*

Huỳnh Văn Nghệ lại gợi cho ta nhớ đến hình ảnh Đặng Dung ở thế kỉ XV:

*Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,  
Kỳ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.*

(Nợ nước chưa báo mà tóc trên đầu đã bạc trắng

Bao lần mài thanh gươm Long Tuyền dưới ánh trăng tà) - *Cảm hoài*

Đặng Dung giúp Trần Trùng Quang chống giặc Minh nhưng thất bại. Ông thất vọng, nhảy xuống sông tự tử. Hai câu thơ ấy gợi lên nỗi uất hận vì chưa trả được nợ nước non.

Không chỉ uất hận, đến với bài *Bên bờ sông xanh*, Huỳnh Văn Nghệ với ý thức “phải trả nợ nước non” trước đã:

*Tôi là người lẩn lóc trên đường trần  
Không phân biệt lúc mài gươm múa bút  
Đời chiến sĩ máu hòa lệ mực  
Còn yêu thương là chiến đấu không thôi*

Như vậy, ở cả Huỳnh Văn Nghệ và Đặng Dung đều mang nặng nỗi nước nhà. Tuy nhiên, nỗi nước nhà của Huỳnh Văn Nghệ có khác hơn đôi chút. Cái uất hận của Huỳnh Văn Nghệ không bị sự bi thương chìm đắm mà nó gắn với cái nhìn lạc quan của người trai trẻ đang hăng hái muốn được cống hiến cho đời. Chàng trai trẻ ấy không trầm mình trong ánh trăng khuya mà thả hồn vào vọng tưởng:

*Bờ sông xanh hôm nay buộc ngựa  
Kiếm góit đầu theo gió thổi hồn cao*

Còn gì đẹp hơn thế, kẻ chinh nhân trở thành kiếm khách lãng du trong cõi hồng trần.

Câu thơ đã làm cho gánh nặng nước non trở thành đôi cánh nâng chí nguyện người chiến sĩ bay bổng theo tâm hồn của thi nhân:

*Trên lưng ngựa múa gươm vừa ca hát,  
Lòng ta say chiến trận đến thành thơ.*

Hay như câu:

*Nợ kiếm cung nghiên bút biết sao đền  
Nếu không biết vừa làm thơ, giết giặc.*

Vậy là, với hình ảnh chinh nhân, Huỳnh Văn Nghệ đã gọi lại một kiểu nhân vật trữ tình quen thuộc trong văn học cổ điển. Một kiểu nhân vật là hiện thân của tinh thần nam tử có tấm lòng sắt son với đất nước trước tình cảnh bị ngoại bang xâm lược.

## 2.2. *Chất sử thi*

Chất sử thi chính là dấu vết của bản ngã cổ đại lưu lại trong các sáng tác văn học trung đại. Ở đó, hành vi của con người được nâng lên ngang tầm với các vị thần - có thể đời non lấp bẻ, thay đổi tạo hóa.

Thiền sư Không Lộ thời Lý đã từng:

*Hữu thì trực thượng cô phong đỉnh*

*Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư.*

(Có lúc lên thẳng trên đỉnh núi

Một tiếng hét dài làm lạnh cả không gian) - *Ngôn hoài*

Còn Nguyễn Trãi thời Lê khi nhìn về chiến tích hào hùng của cha anh thì thấy:

*Ngạc đoạn kinh khoa sơn khúc khúc*

*Qua trăm kích chiết ngạn tầng tầng.*

(Cá sấu, cá kinh bị chặt chặt đồng nhấp nhô như núi

Giáo bị chìm, kích bị gãy chắt chùng lớp lớp như bờ) - *Bạch Đằng hải khẩu*

Và đến Huỳnh Văn Nghệ, trong bài *Trăng lên*, thì:

*Muốn làm sao ta có sợi dây đàn*

*Dem giăng thẳng nối Nam, Bắc.*

Có thể thấy, chất sử thi ở câu thơ của Không Lộ là khát vọng muốn được hòa mình vào cái vô tận của vũ trụ; còn chất sử thi ở câu thơ của Nguyễn Trãi lại là suy lắng về sự tàn khốc của chiến tranh; và hơn nữa thiên niên kỉ sau, ở Huỳnh Văn Nghệ là ước vọng dùng sức mạnh của tự nhiên để phục vụ cho mong muốn của người dân mất nước - muốn đánh đuổi kẻ thù để thống nhất Bắc Nam. Để rồi, trong *Tiếng hát giữa rừng*, mong ước ấy trở thành hành động:

*Trở lên yên ngựa đi từng bước*

*Cúi đầu nén nỗi đau thương*

*Nhưng lửa căm hờn*

*Bồng dựng cao đầu ngựa dậy*

*Vang trời ngựa hí*

*Chí phục thù cháy bỏng tay cương.*

Người tráng sĩ trên yên ngựa nén nỗi đau thương để cho “lửa căm hờn” trở dậy. Từ đó, chất sử thi vụt thoát khỏi dây cương để trở thành hào khí, chí khí của bậc anh hùng. Không chỉ có vậy, đến bài *Rừng nhớ người đi* thì hình ảnh “vung kiếm thép” hợp âm với tiếng “ngựa hí” vang trời trong *Tiếng hát giữa rừng* đã làm cho người dũng sĩ càng trở nên đẹp đẽ như vị thần bay lên từ núi Sóc:

*Từ độ chàng đi vung kiếm thép  
Mật mù khói lửa khuất bình nhung  
Rừng xanh thương nhớ như chinh phụ  
Hồi hộp nghe từng tin chiến công.*

Ngoài ra, âm hưởng sử thi trong thơ Huỳnh Văn Nghệ không phải lúc nào cũng gắn liền với những hình ảnh hùng tráng mà đôi khi là những khoảnh khắc bi tráng gắn với những người chiến sĩ kiên trung. Ở bài thơ *Cái chết của anh Xiêng*, trong những lúc gian nguy nhất - giữa thời khắc sinh tử, người chiến sĩ mang dáng dấp của những người anh hùng bước ra từ những trang sử thi hào hùng đã giữ vững khí phách của cha anh:

*Anh vẫn đứng lặng im,  
Hiên ngang như ngọn núi.*

Hình ảnh “đứng lặng im hiên ngang như ngọn núi” không chỉ thể hiện được tư thế hiên ngang sừng sững của người chiến sĩ trước sự hung hãn của kẻ thù mà nó còn làm sáng tỏ được cái kì vĩ của sức mạnh tinh thần - sức mạnh được hội tụ từ khí linh thiêng của non nước quê hương. Bài *Lịch sử quê hương* có đoạn:

*Có con sông cũng từ hướng Bắc  
Vượt núi rừng ghềnh thác  
Tràn vào Nam cuộn cả bóng mây cao.  
Người gặp sông  
Ngậm nước mát ngọt ngào  
Thề với trăng sao cùng nhau kết bạn.*

Tới đây thì đã rõ, âm hưởng sử thi, chất anh hùng trong thơ Huỳnh Văn Nghệ được chất ra từ dòng nước ngọt ngào cuộn chảy từ hướng Bắc. Và cũng do đó, người anh hùng trong thơ Huỳnh Văn Nghệ mới có thể đỉnh đạc làm bằng hữu với trăng sao.

### **2.3. Cách dùng từ ngữ mang sắc thái cổ điển**

Sắc thái cổ điển trong thơ Huỳnh Văn Nghệ được thể hiện trong việc sử dụng những từ ngữ, hình ảnh trong thơ xưa. Huỳnh Văn Nghệ đã rất khéo léo ghim xen vào các bài thơ những dòng thơ với hình ảnh thơ đẹp đẽ, tao nhã có pha chút bi thương để làm cho âm hưởng thơ phảng phất màu lãng mạn cổ điển.

Như đã biết, trong thơ xưa các nhà thơ thường dùng hình ảnh đấng cao viễn vọng để nói chí lớn, dùng cây tùng cây bách để nói phẩm chất rắn rỏi, dùng thân trúc cành mai để nói cốt cách thanh cao, dùng trăng sao để nói niềm suy tư vọng tưởng. Các nhà thơ xưa cũng hay dùng các loài hoa với màu sắc tươi sáng để nói sự thanh nhã cao sang. Ví như hay dùng màu vàng của hoa mai, hoa cúc; màu đỏ của hoa phượng, đỗ quyên; màu hồng của mẫu đơn, thược dược. Không những thế, các tác giả cũng hay nói nhiều đến mùa thu và mùa xuân để miêu tả sự khởi đầu hay kết thúc. Ví như mùa xuân thì thường miêu tả vào buổi sớm, hay như mùa thu thì thường vẽ cảnh buổi chiều. Có đôi lúc mùa đông hay hạ

cũng đi vào trong thơ thể hiện tâm thế thanh nhàn lánh tục.... Chính điều ấy đã tạo nên những nét rất riêng trong thơ cổ điển nhưng không hoàn toàn là “của riêng”.

Chúng tôi nhận định như thế, bởi “cái riêng” ấy của thơ văn trung đại cũng xuất hiện không ít lần trong thơ Huỳnh Văn Nghệ. Đó là những câu thơ cuối trong bài *Rừng nhớ người đi*:

*Ba thu sâu rụng lá muôn vàn  
Bốn phương lửa khói tung mù mịt  
Rừng ngại ngục cho cánh phượng hoàng.*

Hình ảnh “ba thu sâu” và “cánh phượng hoàng” hẳn nhiên được thoát thai từ nỗi ưu tư của bao lớp chí sĩ có chí khí muốn thể hiện bản thân nhưng chưa thể thực hiện được bản lĩnh của mình vì thời thế chưa cho phép. Nguyễn Trãi khi thất thời đã viết đôi câu trong bài *Tự thuật số 9*:

*Phượng những tiếc cao, điều hầy liệng  
Hoa thì hay héo, cỏ thường tươi.*

Đây là sự thất chí của một kẻ sĩ luôn có tấm lòng “bình sinh độc bão tiên ưu niệm” - thấy đầy, biết đầy nhưng sự đời trái ngang không như mình nghĩ, mình muốn. Và chẳng, đó là nguồn cơn của bao nỗi sầu ở bậc đại trí thế kỉ XV. Còn Huỳnh Văn Nghệ hẳn nhiên phải khác, bởi thời đại của Huỳnh Văn Nghệ không còn bị gò bó trong cái cương thường “trung quân” mới là “ái quốc”. Với Huỳnh Văn Nghệ, có lẽ “ba thu sâu” là một khoảng lặng của nỗi lòng lo cho mối an nguy của bao chàng trai trước khói lửa mịt mù chiến chinh. Và như thế, “ba thu sâu” ấy không phải là sự thất chí mà nó thể hiện sự tinh táo khi nhận thức về tình cảnh thực tại của bản thân, của thời đại. Từ đó, “ba thu sâu” chỉ là khoảnh khắc như chính nhận thức của người trí thức yêu nước Phan Châu Trinh:

*Những kẻ vá trời khi lỡ bước  
Gian nan chi kể sự con con - Đập đá Côn Lôn*

Phải chăng chính điều ấy, mà trong *Lịch sử quê hương*, ta không còn bắt gặp một Huỳnh Văn Nghệ với sự “ngại ngục cho cánh phượng hoàng” nữa, dù bên “bờ hoang vu”:

*Nơi trời xanh nhớn như đàn cò trắng  
Nơi đồng xanh ngắt ngơ đám nai mai vàng  
Bờ hoang vu hạ trại một chiều sương.*

Với những câu thơ ấy, Huỳnh Văn Nghệ lại gọi lên trong lòng người đọc hình ảnh một miền quê Thiên Trường trong trẻo mà Trần Nhân Tông - một vị vua hết lòng thương dân, lo cho đất nước đã từng miêu tả:

*Mục đồng địch lí quy ngư tận,  
Bạch lộ song song phi hạ điền.*

(Đứa trẻ chăn trâu thổi sáo gọi trâu về hết,  
Cò trắng bay song song hạ xuống đồng) - *Thiên Trường vãn vọng*

Cũng như Trần Nhân Tông, Huỳnh Văn Nghệ cũng đã vẽ nên một bức tranh chiều quê thơ mộng, nhưng bức tranh thơ ấy của Huỳnh Văn Nghệ có điểm rất đặc biệt. Đặc biệt là ở chỗ: ngoài những nét chấm phá về một miền xứ sở bằng các từ “cò trắng, nai vàng, bờ hoang” thì điểm nhấn lại là hình ảnh con người và thiên nhiên hợp nhất. Con người với sức mạnh “đạp núi rừng vượt sóng bể khơi” để tìm đến miền đất mới. Miền đất ấy tràn đầy niềm tin hi vọng với màu xanh của trời, của đất. Miền đất ấy với “trăm tích” của những “buổi chiều sương” lưu dấu bao kỉ niệm trong “lửa cơm chiều bốc khói”.

Bên cạnh những khía cạnh trên, chất cổ điển trong thơ Huỳnh Văn Nghệ còn là một sự tiếp nối của hành trình thơ ca dân tộc. Điều này được thể hiện ở việc Huỳnh Văn Nghệ không nhằm sử dụng chất liệu thi ca của người xưa để tả lại nỗi niềm của người đi trước mà hướng đến tâm trạng thời đại của nhân vật trữ tình, tức nó gắn liền với thực tại, với nỗi lòng của những con người biết rõ bỏ tình riêng để đến với nghĩa chung. Dưới đây, chúng tôi trích nguyên văn hai bài thơ, một của Tản Đà, và một của Huỳnh Văn Nghệ để thấy rõ điều này:

Trước hết là bài thơ *Tống biệt* của Tản Đà:

*Lá đào rơi rắc lối thiên thai,  
Suối tiễn oanh đưa luống ngậm ngùi!  
Nửa năm tiên cảnh,  
Một bước trần ai,  
Ước cũ duyên thừa có thể thôi!  
Đá mòn, rêu nhạt,  
Nước chảy, huê trôi,  
Cái hạc bay lên vút tận trời!  
Trời đất từ đây xa cách mãi.  
Cửa động,  
Đầu non,  
Đường lối cũ,  
Ngàn năm thơ thần bóng trắng chơi.*

Và bài thơ *Trở về* của Huỳnh Văn Nghệ:

*Mây hường vương trước ngõ  
Tiếng sao trôi mơ màng,  
Hương đào đầu phương phát  
Chập chờn máy cánh loan.*

*Thiên Thai là nơi đây  
Nơi nữ tiên hò hẹn  
Nơi xưa nàng đưa tiễn  
Ngày ta quyết xuống trần.*

Thơ ta để cửa sổ  
Nét chữ vẫn chưa phai  
Ghi mỗi tình muôn thuở  
Trần tục với bóng lai.

Gót ngọc ai dần đến  
Rèm châu nhẹ vén lên  
“Ôi nàng tiên yêu mến,  
Anh đây rồi nhớ, quên?”.

Áo lam, quần lụa trắng  
Khăn ngà, đôi dõn son  
Hai mẹ con bước thoảng  
Êm ái như đôi hôn.

Không ai nghe lời ta  
Nàng không đoái nhìn ta  
Cả lòng ta sụp đổ  
Người đi qua hững hờ.

Mây hường tan trước ngõ  
Tiếng sáo đứt bao giờ  
Bầy loan theo nàng biến  
Còn mình ta bơ vơ.

Thoảng hương thừa tơ tóc  
Nhắc tình ám ngày xưa  
Rưng rưng hàng lệ ngọc  
Nàng ơi, ta đâu ngờ!

Ta nhâm nàng sao được  
Ngày xưa trong tay nhau  
Giống ta từng nét mặt  
Con ta, ta quên nào!

Quay nhìn vào gương cũ:  
Ta đã chết đi rồi!



*Bụi trần gian bao phủ  
Mấy lớp đời tanh hôi.*

*Trán nhăn buồn nhân loại  
Mắt sâu sàu thế gian  
Máu thù chưa rửa sạch  
Đôi bàn tay gian nan.*

*Nợ trần đầu đã trả  
Bao năm sống trên đời  
Tình thương lòng tràn ngập  
Tôi nào kể chi tôi.*

*Dưới tầng mây dày đặc  
Đưa lên tận lòng tôi  
Lời oán hờn u uất  
Tiếng thở than ngàn đời.*

*Vung kiếm tan lâu ngọc  
Vội chấp cánh về trần.  
Tôi giạt mình tỉnh giấc  
Sung sướng giữa ngàn xuân.*

Có thể thấy, chỉ cần đọc lướt qua hai bài thơ, ta sẽ thấy phảng phất đâu đó hình ảnh chàng Từ Thức và nàng Giáng Hương trong câu chuyện cổ. Thế nhưng, khi đọc kĩ, hai bài thơ này lại hướng đến những mảnh tình riêng. Nếu như Tản Đà là nỗi lòng “tổng biệt” thì Huỳnh Văn Nghệ lại là tâm trạng ngày trở về. Tản Đà “tổng biệt” - tức không biết tiễn đưa người về hay ra đi, rất mơ hồ. Huỳnh Văn Nghệ thì rất rõ - trở về. Song nếu chỉ dừng lại cách hiểu như thế về hai tiêu đề của hai bài thơ thì sẽ không thấy hết được giá trị của chúng. Ở đây, cả hai nhà thơ đang nói về lòng mình, nói về nhân sinh quan của bản thân trước thời cuộc. Huỳnh Văn Nghệ - trở về, là tìm lại chính mình, tìm thấy được chân lí cuộc sống, trách nhiệm của bản thân với dân với nước. Tản Đà - tổng biệt, là sự dửng dăng của cái cũ và mới, giữa cái được và mất trong sự chơi vui của một nhà Nho đi tìm chỗ níu giữ bản ngã của bản thân trước “con bão văn hóa Đông Tây”. Hơn nữa, ở Tản Đà khi viết: *Ước cũ duyên thừa có thể thôi!* Thì ta cứ tưởng nhà thơ đã rất dứt khoát với những gì đã mất, đã là quá khứ nhưng kì thực lại vẫn *Đường lối cũ/ Ngàn năm thơ thần bóng trắng chơi*. Còn Huỳnh Văn Nghệ tưởng chừng rất ủy mị *Rung rung hàng lệ ngọc* song lại vô cùng mạnh mẽ: *Vung kiếm tan lâu ngọc/ Vội chấp cánh về trần*. Chính những sự khác biệt

này mà âm hưởng cổ điển trong thơ Huỳnh Văn Nghệ mang nét rất riêng, phù hợp với thời đại.

Như vậy, Huỳnh Văn Nghệ khi sử dụng lại những chất liệu trong thi ca xưa không hoàn toàn nhằm làm cho bài thơ của mình thêm cổ kính mà chủ yếu lấy đó làm nền cho việc biểu đạt tâm trạng của nhân vật trữ tình mang nặng nỗi nước non.

### 3. Kết luận

Bên cạnh tính cách mạng ở nội dung, tính hiện đại ở nghệ thuật thì thơ Huỳnh Văn Nghệ còn thể hiện rõ âm hưởng cổ điển. Âm hưởng cổ điển trước hết là ở tính cao nhã với hình ảnh chinh nhân - biểu tượng của chí khí nam nhi, không ngại dấn thân để trả nợ tang bồng. Đây chính là một hình tượng đẹp trong thơ, giúp cho bài thơ thêm sang trọng. Thứ hai, âm hưởng cổ điển thể hiện ở chất sử thi. Với điều này, Huỳnh Văn Nghệ đã không chỉ nâng tầm kể “chinh nhân” mà còn giúp những con người kháng chiến trở thành bất tử. Thứ ba, âm hưởng cổ điển được thể hiện ở cách dùng từ ngữ phảng phất bi thương với sắc thái lãng mạn. Chính nhờ cách chọn những từ ngữ gợi tả không gian, cảnh vật và con người trong thơ văn xưa mà Huỳnh Văn Nghệ đã tạo nên một nét rất mới cho thơ kháng chiến - đó là sự hòa trộn nét cổ điển và hiện đại trong thi tứ. Thông qua đó, có lẽ Huỳnh Văn Nghệ muốn khẳng định thơ ca của người cách mạng không chỉ là những vần thơ khô cứng với mùi cay nồng thuốc súng mà nó còn rất uyển chuyển, mềm mại như dải mây hồng nâng đỡ những ước mơ.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Xuân Diệu. (1987). *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*. NXB Văn học.
- Nguyễn Đăng Điệp. (2002). *Giọng điệu trong thơ trữ tình*. Hà Nội: NXB Văn học.
- Tân Linh. Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ: Còn lại thiên thu một chút tình. *An ninh Thế giới online*.  
Truy cập 23/8/2017: <http://antg.cand.com.vn/Tu-lieu-antg/Thi-tuong-Huynh-Van-Nghe-Con-lai-thien-thu-mot-chut-tinh-336201/>
- Lê Bá Hán, Trần Đình Sử. (1992). *Từ điển thuật ngữ văn học*. Hà Nội: NXB văn học.
- Lưu Hiệp. (2007). *Văn tâm điều long*. Phan Ngọc dịch, giới thiệu và chú thích. Hà Nội: NXB Lao động.
- Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên). (2003). *Từ điển Văn học bộ mới*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Bùi Quang Huy. Huỳnh Văn Nghệ - Như một giấc mơ. *Báo Đồng Nai* (điện tử). Truy cập 26/8/2017: <http://www.baodongnai.com.vn/vanhua/201402/ky-niem-100-nam-ngay-sinh-va-37-nam-ngay-mat-anh-hung-luc-luong-vu-trang-nhan-dan-nha-tho-huynh-van-nghe-huynh-van-nghe-nhu-mot-giac-mo-2293890/>

- Bùi Quang Huy. Những mùa xuân của thi tướng chiến khu xanh. *Báo Đồng Nai* (điện tử). Truy cập 28/8/2017: <http://baodongnai.com.vn/bao-xuan-2014/201401/nhung-mua-xuan-cua-thi-tuong-chien-khu-xanh-2291066/>
- Nguyễn Huy Hùng. Huỳnh Văn Nghệ: một chiến sĩ – nhà thơ “thi tướng”. Truy cập 27/8/2017: [http://nxbctqg.org.vn/index.php?option=com\\_content&view=article&id=4027:hunh-vn-ngh-ht-chin-s-nha-th-thi-tng&catid=112:tin-van-hoa-tu-tuong&Itemid=488](http://nxbctqg.org.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=4027:hunh-vn-ngh-ht-chin-s-nha-th-thi-tng&catid=112:tin-van-hoa-tu-tuong&Itemid=488)
- Hoài Nguyễn. Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ và bài thơ “Nhớ Bắc”. **Truy cập** 25/8/2017: <http://ubmttq.hochiminhcity.gov.vn/TinTuc/thongtinkhac/Lists/Posts/Post.aspx?CategoryId=3&ItemID=1248&PublishedDate=2010-04-18T09:40:00Z>
- Trần Đình Sử. (2005). *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Huỳnh Văn Tới. Huỳnh Văn Nghệ - thi tướng của dân gian. Truy cập 22/8/2017: <http://vannghequandoi.com.vn/Phe-binh-van-nghe/Huynh-Van-Nghe-thi-tuong-cua-dan-gian-4818.html>
- Lê Trí Viễn. (2001). *Đặc trưng văn học trung đại Việt Nam*. TPHCM: NXB Văn nghệ TPHCM.
- Phan Xuân. Kỉ niệm 100 năm ngày sinh Thi tướng Huỳnh Văn Nghệ. Thư viện tỉnh Đồng Nai. Truy cập 25/7/2017: <http://www.thuviendongnai.gov.vn/huynhvannghe/Lists/Posts/Post.aspx?ID=2>

#### TU LIỆU KHẢO SÁT

*Thơ văn Huỳnh Văn Nghệ*. (1997). NXB Đồng Nai.